*Ngày soạn:……………..*

*Ngày dạy:………………*

**BÀI 2. KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

*Tiết:……*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và sửa được các lõi lặp từ, dùng không đúng quy tắc ngữ páhp, không phù hợp phong cách ngôn ngữ.

**2. Năng lực**

***- Năng lực chung:*** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***- Năng lực chuyên biệt:***

+ Năng lực nhận biết và sửa được lỗi dùng từ về trật tự từ

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Chuẩn bị của giáo viên:***

- Giáo án

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

***2. Chuẩn bị của học sinh:*** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu:***

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

***b. Nội dung:*** Kiến thức đời sống, xã hội

**c*. Sản phẩm:*** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi AI NHANH AI ĐÚNG:  ***Câu 1: Nghe ………… hình như hôm nay được nghỉ.***  A. Phong phanh  B. Phong thanh  ***Câu 2: Anh Dũng là một người …………***  A. Kiên cường  B. Kiên cố  ***Câu 3: Tiếng Việt có khả năng diễn tả ………*** ***mọi trạng thái tình cảm của con người.***  A. Linh động  B. Linh hoạt  ***Câu 4: Có một số bạn còn ………. với lớp.***  A. Bàng quang  B. Bàng quan  ***Câu 5: Vùng này còn khá nhiều thủ tục như: ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình; ốm không đi bệnh viện mà ở nhà cúng thôi.***  A. Hủ tục  B. Thủ tục  ***Câu 6: Đứa bé mới sinh còn ……………***  A. Đỏ hỏn  B. Đỏ rực  ***Câu 7: Tương lai của Hoa rất ………***  A. Sán lạn  B. Sáng lạng  ***Câu 8: Con tàu đang ………….***  A. Rung chuyển  B. Rung rinh  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm bài.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | ***Câu 1:***  B. Phong thanh  ***Câu 2:***  A. Kiên cường  ***Câu 3:***  B. Linh hoạt  ***Câu 4:***  B. Bàng quan  ***Câu 5***  A. Hủ tục  ***Câu 6:***  A. Đỏ hỏn  ***Câu 7:***  A. Sán lạn  ***Câu 8:***  A. Rung chuyển |

- GV dẫn dắt vào bài mới:

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục đích:*** Giúp học sinh thực hành, làm được bài tập về ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa

***b. Nội dung:***HS theo dõi SGK làm bài tập.

***c. Sản phẩm:***Bài làm của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS làm bài tập 1,2,3 trong SGK.  - Gọi HS lên bảng trình bày.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ làm bài tập vào vở ghi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * - HS làm bài. * - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn kiến thức. | **I. Ôn tập lí thuyết**  ***1. Dùng từ sai quy tắc ngữ pháp:***  - Biểu hiện thường gặp của lỗi này là người nói, người viết sắp xếp trật tự từ không đúng; nói, viết thiếu hư từ hoặc dùng hư từ không đúng.  + Ví dụ: “Số người mắc bệnh và ***chết*** các bệnh truyền nhiễm đã giảm.”  + Cách sửa: “Số người mắc bệnh và chết ***vì*** các bệnh truyền nhiễm đã giảm.” (Bổ sung kết từ vì).  ***2. Dùng từ không hợp với phong cách ngôn ngữ:*** - Lỗi này do người viết, người nói chọn từ không phù hợp với văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp hoặc thể loại văn bản.  + Ví dụ: “Bố đã ***trình bày*** hết ý kiến của mình, các con đã ***quán triệt*** đầy đủ chưa?”.  + Các từ in đậm đều không phù hợp với tính chất thần mặt của cuộc trò chuyện trong gia đình. Cách sửa:  + Thay thế từ: “trình bày” bằng từ “nói”, từ “quán triệt” bằng từ “hiểu” trong cầu trên.  ***3. Dùng lặp từ:***  - Lặp từ là dùng nhiều lần một từ trong câu hoặc trong những câu liền kề nhau khiến cho câu văn, đoạn văn trở nên nặng nề.  - Ví dụ: “**Có thể** nói, **Chí Phèo** **có thể** trở thành người lương thiên nếu xã hội **Chí Phèo** sống là một xã hội khác.”  + Cách sửa: “Chi Phèo có thể trở thành người lương thiện nếu xã hội anh ta sống là một xã hội khác.”  ***4. Dùng lặp nghĩa***  - Là lặp lại một thuộc tỉnh đã có sẵn trong từ ngữ dùng trước đó.  + Ví dụ: “Trong các giải pháp để chọn, đây là **giải pháp tối ưu nhất.**”  + Cách sửa: “Trong các giải pháp để chọn, đây là giải pháp tối ưu.” |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố lại kiến thức đã học.

***b. Nội dung:*** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

***c. Sản phẩm học tập:*** Kết quả của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bài tập: GV hướng dẫn HS làm bài tập 4** SGK  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm bài.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | ***Bài 1:***  a. Năng lực → Năng nổ  b. Nhân văn → Nhân vật  c. Hàng ngàn năm văn hiến → Ngàn năm văn hiến  d. Chúng ta thấy các người phụ nữ → Chúng ta thấy được hình ảnh người phụ nữ.  ***Bài 2:***  a. Có từ tác phẩm rồi thì không dùng tuyệt tác.  b. “Con đường hoạn lộ” - Lộ cũng có nghĩa là con đường.  c. Bỏ từ thay mặt bởi từ đại diện đã bao gồm nghĩa.  d. Bỏ từ cuối cùng bởi tối hậu thư đã bao gồm nghĩa.  ***Bài 3:***  Những kết hớp sau hoặc dư thừa:  - Còn nhiều vấn đề tồn tại  - Thắng cảnh đẹp  - Đề cập vấn đề  - Công bố công khai |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bài tập: GV hướng dẫn HS làm bài tập 4** SGK  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm bài.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **Bài 4:**  - 5 từ Hán Việt chỉ người: chú tiểu, phú ông, thiếp, nhà sư, tri âm.  - 5 từ thần Việt đồng nghĩa:  + Chú tiểu: chú Điệu, ông Đạo nhỏ  + Phú ông: người đàn ông giàu có  + Thiếp: vợ  + Nhà sư: thầy chùa  + Tri âm: bạn thân       Việc sử dụng từ Hán Việt trong các trường hợp trên trong văn bản Thị Mầu lên chùa đã tạo cho người đọc, người nghe có cảm giác trang trọng, nghiêm trang, tao nhã, cổ kính phù hợp với xã hội xưa. Những từ Hán Việt này lại rất đỗi quen thuộc với chúng ta nên là tạo cảm giác quen thuộc, gần gũi khiến người đọc cảm nhận rõ hơn từng chi tiết trong văn bản. Thể loại dân gian này khi sử dụng với từ Hán Việt đã phát huy tối đa những ưu điểm về từ ngữ, nghĩa khi bị rút gọn bởi các âm thuần Việt qua đó cho ta thấy được sắc thái biểu cảm, tinh tế mà không kém phần uyển chuyển khi dùng. Từ Hán Việt dùng trong những trường hợp trên đã phản ánh sâu sắc những bài học, lớp nghĩa mà tác giả muốn truyền tải. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập lại kiến thức đã học

- Chuẩn bị bài mới VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM.